

DANH SÁCH - BẢNG ĐIỂM THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH KHÔNG CHUYÊN NGÀY 26/07/2025
PHÒNG THI B202A - GIỜ THI: 18H00

STT	HỌ TÊN LÓT	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	MÃ SỐ SV	MÃ LỚP	SỐ CÂU ĐÚNG (NGHE)	SỐ CÂU ĐÚNG (ĐỌC)	ĐIỂM TOEIC (NGHE)	ĐIỂM TOEIC (ĐỌC)	TỔNG ĐIỂM TOEIC	PHÒNG THI
1	Trần Quốc	Nam	07/11/2001	Quảng Ngãi	19211CK2836	CD19CK4	43	24	200	50	250	B202A
2	Đỗ Thị Quỳnh	Nga	03/11/2002	TP. HCM	20211KT4658	CD20KT4	35	25	160	60	220	B202A
3	Trương Thị Thanh	Ngân	08/08/2005	Bình Thuận	23211KD1333	CD23KD1	50	37	250	130	380	B202A
4	Lý Thị Thanh	Ngân	08/01/1999	TP. HCM	23211TT0154	CD23TT1	53	31	270	95	365	B202A
5	Lê Lâm Thị Thúy	Ngân	09/11/2003	Bình Định	23211KT0426	CD23KT1	48	29	240	85	325	B202A
6	Đặng Thị Kim	Ngân	10/08/2005	Tiền Giang	23211MK0848	CD23MK2	33	37	145	130	275	B202A
7	Lê Tuyết	Ngân	12/10/2002	Tiền Giang	20211LH2118	CD20LH1	40	45	185	180	365	B202A
8	La Trâm	Ngân	30/11/2001	Bình Định	20211LG4220	CD20LG2	42	28	195	80	275	B202A
9	Phạm Thị Tuyết	Nghi	28/11/2003	Bến Tre	22211QT0524	CD22QT1	45	27	215	70	285	B202A
10	Nguyễn Trọng	Nghĩa	20/04/2004	An Giang	22211OT0812	CD22OT2	46	27	220	70	290	B202A
11	Võ Gia	Nghĩa	08/04/2005	Bình Định	23211LG2331	CD23LG2	48	42	240	165	405	B202A
12	Nguyễn Hữu	Nghĩa	25/10/2004	Bình Định	22211CK1444	CD22CK1	45	33	215	110	325	B202A
13	Trần Trung	Nghĩa	20/01/2003	Bình Thuận	21211TT2479	CD21TT5	44	78	210	385	595	B202A
14	Trần Đại	Nghiệp	15/12/2004	Bình Phước	22211OT3051	CD22OT15	40	39	185	145	330	B202A
15	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	30/03/2003	Long An	22211KT0593	CD22KT4	31	20	135	30	165	B202A
16	Dương Bích	Ngọc	13/06/2005	Bình Định	23211LG0691	CD23LG2	43	33	200	110	310	B202A
17	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	27/01/2004	Nam Định	22211KD3360	CD22KD1	54	22	275	40	315	B202A
18	Trần Văn	Ngũ	29/01/2000	Bình Định	20211DT0842	CD20DT1	66	40	350	150	500	B202A

STT	HỌ TÊN LÓT	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	MÃ SỐ SV	MÃ LỚP	SỐ CÂU ĐÚNG (NGHE)	SỐ CÂU ĐÚNG (ĐỌC)	ĐIỂM TOEIC (NGHE)	ĐIỂM TOEIC (ĐỌC)	TỔNG ĐIỂM TOEIC	PHÒNG THI
19	Nguyễn Đình	Nguyên	16/04/2003	Nghệ An	21211DC4260	CD21DC2	54	30	275	90	365	B202A
20	Nguyễn Đông Hoài	Nguyên	17/06/2004	Ninh Thuận	23211KD2834	CD23KD1	60	29	315	85	400	B202A
21	Trần Thị Thảo	Nguyên	23/12/2004	Đắk Lắk	22211DH2630	CD22DH2	39	75	180	365	545	B202A
22	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	03/04/2004	Ninh Thuận	22211KT3808	CD22KT3	37	43	170	170	340	B202A
23	Bùi Thị Minh	Nguyệt	18/08/2005	Đắk Lắk	23211KS1901	CD23KS1	35	81	160	400	560	B202A
24	Vũ Minh	Nhã	06/11/2003	Bình Phước	21211OT3545	CD21OT18	31	75	135	365	500	B202A
25	Trần Thị	Nhâm	10/10/2003	Nghệ An	22211QT0793	CD22QT1	35	64	160	300	460	B202A
26	Phạm Thị Thanh	Nhàn	20/10/2004	Quảng Trị	23211KT3668	CD23KT4	37	73	170	355	525	B202A
27	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	01/09/2005	Bình Định	23211KT1557	CD23KT2	36	35	165	120	285	B202A
28	Nguyễn Phan	Nhân	03/09/2003	Tây Ninh	21211DD3949	CD21DD2	27	31	115	95	210	B202A
29	Nguyễn Lê Nghĩa	Nhân	24/06/2002	Bến Tre	20211QT1416	CD20QT5	31	21	135	35	170	B202A
30	Nguyễn Thị	Nhi	02/07/2005	Bình Thuận	23211TT0564	CD23TT1	41	69	190	330	520	B202A
31	Võ Thị	Nhi	02/04/2004	Quảng Bình	23211LG1117	CD23LG3	53	22	270	40	310	B202A
32	Nguyễn Thị Yến	Nhi	26/12/2005	Bình Dương	23211LG3908	CD23LG4	74	28	400	80	480	B202A
33	Phạm Thị Thùy	Như	28/10/2005	Bình Định	23211LG4268	CD23LG2	76	57	410	255	665	B202A
34	Nguyễn Lê Hoàng	Như	18/04/2004	Đồng Nai	22211CD2842	CD22CD1	49	23	245	45	290	B202A
35	Đinh Thị Tuyết	Nhung	27/03/2004	Bình Định	22211DH4393	CD22DH5	44	32	210	100	310	B202A
36	Lê Minh	Nhựt	15/07/2003	Bình Định	21211TM2266	CD21TM1	46	32	220	100	320	B202A
37	Nguyễn Duy	Ninh	08/12/2005	Đắk Nông	23211CD1788	CD23CD1	28	35	120	120	240	B202A
38	Lê Thị Phương	Oanh	10/01/2000	Đắk Lắk	24211KD2206	CD24KD1	31	30	135	90	225	B202A
39	Võ Thị Kiều	Oanh	01/10/2003	Tiền Giang	21211DH4204	CD21DH5	35	26	160	65	225	B202A

STT	HỌ TÊN LÓT	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	MÃ SỐ SV	MÃ LỚP	SỐ CÂU ĐÚNG (NGHE)	SỐ CÂU ĐÚNG (ĐỌC)	ĐIỂM TOEIC (NGHE)	ĐIỂM TOEIC (ĐỌC)	TỔNG ĐIỂM TOEIC	PHÒNG THI
40	Trần Thị Kiều	Oanh	06/04/2002	Cần Thơ	20211TT3177	CD20TT6	VẮNG					B202A
41	Võ Văn	Phát	11/07/2006	BR-VT	24211DT3276	CD24DT1	63	36	330	125	455	B202A
42	Huỳnh Tấn	Phát	14/10/2004	Quảng Ngãi	22211OT3024	CD22OT12	63	27	330	70	400	B202A
43	Trương Tam	Phong	10/05/2004	Lâm Đồng	22211OT0634	CD22OT1	62	35	325	120	445	B202A
44	Nguyễn Hoài	Phong	03/12/2003	Đồng Nai	21211OT1118	CD21OT12	57	32	295	100	395	B202A
45	Trần Anh	Phú	03/06/2005	Bình Định	23211CK1380	CD23CK3	41	22	190	40	230	B202A